

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày 30/7/2019

“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77 /2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Gọi tắt là ngân hàng B).

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Phó chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B– chi nhánh tỉnh Kiên Giang. (Theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

Địa chỉ trụ sở Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh Kiên Giang: Số C9-19 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh S, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch A. (Theo văn bản ủy quyền số 795/2018/QĐ-LPB.KG ngày 03/10/2018). (Có mặt)

Địa chỉ trụ sở Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh Kiên Giang - phòng giao dịch A: Khu phố n, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Danh Nhật C, sinh năm 1980. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố m, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 22/7/2016, Ngân hàng B và ông Danh Nhật C có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 07/220716/04/870, trong đó:

- Ngân hàng B cho ông C vay số tiền 60.000.000 đồng;
- Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay là 12,50%/năm;
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
- Kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 10 hàng tháng chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả 1.000.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/8/2016;
- Kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc, lại tính theo dư nợ thực tế;
- Tài sản bảo đảm không có.

Ông C thực hiện trả nợ đến ngày 10/6/2017 sau đó không thực hiện trả nợ theo nội dung thỏa thuận đã lý kết bởi hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ.

Tính đến ngày 30/7/2019 ông C còn nợ Ngân hàng B tổng cộng 66.006.303 đồng, trong đó nợ gốc là 49.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.263.251 đồng, lãi quá hạn 1.667.188 đồng và phạt chậm trả lãi là 2.075.865 đồng.

Nay Ngân hàng B yêu cầu ông Danh Nhật C phải thanh toán số nợ 63.930.438 đồng bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng, không tiếp yêu cầu trả số tiền phạt chậm trả lãi là 2.075.865 đồng đồng thời tiếp tục yêu cầu ông C phải trả

lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 07/220716/04/870 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng B rút lại yêu cầu về việc buộc ông Danh Nhật C phải giao tài sản thế chấp cho ngân hàng B phát mãi để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Danh Nhật C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng thời không gửi ý kiến phản hồi trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là toàn bộ hồ sơ vay vốn, gồm: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 07/220716/04/870; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của ông Danh Nhật C; Các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn; bản tự khai, sao kê lịch trả nợ, thông báo công nợ (Tất cả đều là bản phô tô có xác nhận).

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vay từ hợp đồng tín dụng. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 07/220716/04/870 được ký kết trên tinh thần tự nguyện, được lập thành văn bản, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và là hợp đồng hợp pháp. Kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập các bên có trách nhiệm thực hiện những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhận thấy: Vào ngày 22/7/2016 Ngân hàng B đã thực hiện giải ngân cho ông Danh Nhật C vay số tiền 60.000.000 đồng, việc giải ngân được thể hiện cùng trong hợp đồng tín dụng có chữ ký xác nhận của ông Danh Nhật C. Sau khi vay vốn ông Danh Nhật C đã trả nợ theo hợp đồng đến ngày 10/6/2017 và từ sau ngày 10/6/2017 cho đến nay ông C không thực hiện nghĩa vụ khi đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Việc bên vay không thực hiện trả vốn và lãi theo hợp đồng đã vi phạm quy định tại khoản 4 của hợp đồng Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 07/220716/04/870. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B là có căn cứ và cần buộc ông Danh Nhật C phải trả cho Ngân hàng B số tiền 63.930.438 đồng (Tạm tính đến ngày 30/7/2019), trong đó nợ gốc là 49.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 14.930.438 đồng đồng thời tiếp tục phải trả lãi (Lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 07/220716/04/870 từ ngày 30/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Nhận thấy, tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 07/220716/04/870 thể hiện ngân hàng Bưu điện Liên Việt cấp tín dụng cho ông Danh Nhật C vay vốn không có tài sản bảo đảm do đó ngân hàng yêu cầu người vay giao tài sản thế chấp để phát mãi thu hồi nợ là không phù hợp với nội dung của hợp đồng. Tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng B đã rút lại một phần yêu cầu, không tiếp tục

yêu cầu ông Danh Nhật C phải giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ là phù hợp. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng B về việc không tiếp tục yêu cầu ông C phải giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng B phát mãi để thu hồi nợ.

Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B được chấp nhận nên buộc ông Danh Nhật C phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là: $63.930.438 \text{ đồng} \times 5\% = 3.196.521 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho ngân hàng B số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 1.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005713 ngày 20/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các điều 244, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Các điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc ông Lê Danh Nhật C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 63.930.438 đồng (Sáu mươi ba triệu, chín trăm ba mươi nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 30/7/2019 là 14.930.439 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm ba mươi nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng) bao gồm lãi trong hạn 13.263.251 đồng (Mười ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi một đồng) và lãi quá hạn 1.667.188 đồng

(Một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi tám đồng) đồng thời tiếp tục phải trả lãi phát sinh (Gồm lãi trong hạn và lại quá hạn) theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 07/220716/04/870 ký ngày 22/7/2016 từ ngày 30/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B về việc yêu cầu ông Danh Nhật C phải giao tài sản thế chấp để phát mãi thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Danh Nhật C nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.196.521 đồng (Ba triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi một đồng).

Hoàn trả cho ngân hàng B số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 1.400.000 đồng (Một triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005713 ngày 20/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

4. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/7/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm